# Khách hàng 09/01

**Physical**

Vẽ lại các view deployment như tích hợp/ phân rã thì như thế nào? Làm sao lại làm như thế này, có liên quan đến quality attribute mình mô tả hay không?

**System context**

Mũi tên tương tác

Tạo index – tạo trên cái database ban đầu.

**Quality attribute** – tạo index thì load dữ liệu bao lâu -> dữ liệu lớn thì như thế nào? – thử nghiệm r cập nhật cái quality attribute

System context là thể hiện tất cả các entity, hệ thống khác tương tác vào hệ thống của mình.

Tách ra 2 hệ thống soạn tin và bộ từ điển.

Trong bộ từ điển có tạo index để cho công cụ hiển thị bộ từ điển sử dụng lucexen.

Theo chủ nghĩa mác – vật chất có trước hay ý thức có trước

* Giống như static -> dynamic: vật chất / dynamic -> static : ý thức

Dynamic:

View

Trách nhiệm

Rational

Behavior

Interface <mô tả ngữ nghĩa ra ở mức tổng quát vd: như interface này truyền dữ liệu cái này thì nó là rececip data/provide data thì cái kia interface là lắng nghe để nhận dữ liệu lisent data. Interface nó có những cái port hình vuông chẳng hạn 🡪 rồi đặt tên cho nó.

Interface là định nghĩa trước cho một process nào đó.

Vd: như có A,B,C

A làm gì

B làm gì

C làm gì

Làm sao thì làm thì phải đáp ứng được 3 cái việc đó.

Mẫu interface chương 5, liên hệ với thầy để lấy mẫu interface template.

Interface: provide là gì, require là gì

Static

Tại sao dùng layer? Tại sao dùng module?.. giải thích

Phân module, phân lớp, tương tác các module với nhau.